

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình - ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Trần Hoàng Trọng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp Vinh Bắc, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Ngọc K, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp Vinh Bắc, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ông và Bà Lê Ngọc K kết hôn với nhau vào năm 1991 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến mất dần tình cảm. Ông và bà K đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay.

Ông và bà K có một con chung là Nguyễn Thanh Liêm, sinh ngày: 01/01/1993, đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nay Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Lê Ngọc K.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà K đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của Tòa án như sau:

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tuy nhiên còn vi phạm chậm gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cần phải khắc phục, sửa chữa theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Ông D và bà K chung sống từ năm 1991 nhưng đến nay ông, bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của ông D, bà K là không hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông D, bà K là vợ chồng.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Thanh Liêm, sinh ngày: 01/01/1993, đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận ông D, bà K là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Ông Dkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Knên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Klà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Dcó đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 07/6/2021, bà Kđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Dđúng, bà Ktheo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Ông Dđúng, bà Kchung sống với nhau vào năm 1991, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp nên Ông Dcó đơn yêu cầu ly hôn với bà Kiều, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận Ông Dvà bà Klà vợ chồng.

- Về con chung: Đã trưởng thành

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Dyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002159 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của Tòa án. Xét đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Ông Nguyễn Văn D và Bà Lê Ngọc K là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành

**3. Về tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết.

**4. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Ông Nguyễn Văn D phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002159 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Dương Văn Hôm**